TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-PT
Ngày: 27- 11 - 2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Đình Thông

*Các thẩm phán:*Bà Phan Thị Nguyệt Thu; ông Hồ Đức Quang

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2019/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST, ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 27/2TB-TA ngày 22 tháng 11 năm 2019 giữa:

*** Nguyên đơn**: Ông Mai Xuân L. Sinh năm 1966; Địa chỉ: Xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

*** Bị đơn**: Ông Mai Thanh H. Sinh năm 1963; Địa chỉ: Xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Ngọc H, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Ngọc H: Ông Nguyễn Văn V. Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

2. UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Văn L; Chức vụ: Chủ tịch

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Văn L: Ông Biện Văn B, chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

3. Ông Mai Xuân T, địa chỉ: Xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Xuân T: Ông Mai Xuân L; địa chỉ: Xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

4. Bà Nguyễn Thị L, địa chỉ xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L: Ông Mai Thanh H; địa chỉ: xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

5. Bà Nguyễn Thị N, địa chỉ: xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Mai Xuân L trình bày: Năm 1993 Nhà nước có chủ trương thành lập vùng kinh tế mới Yên Sơn ở xã H, huyện H, ông L cùng ông Mai Xuân T đã làm đơn để vào vùng kinh tế mới và đã được ban dự án chấp nhận. Đến ngày 25/5/1995, Ủy ban nhân dân huyện H có Quyết định cấp Lâm bạ với diện tích 12 ha đất rừng cho ông L với thời gian sử dụng là 50 năm. Sau khi nhận phần đất rừng ông Mai Xuân L đã thực hiện đầy đủ các chủ trương mà Ban dự án đã đề ra cũng như tuân thủ các quy định về khai thác và sử dụng đất rừng. Cuối năm 1995 ông Mai Thanh H là anh em họ với ông L đã đến gặp ông L để mượn một phần đất trong diện tích 12 ha để trồng và khai thác một vụ keo lá tràm. Ông L đã đồng ý cho ông H mượn 5,6 ha đất rừng thuộc lô 2 và 3 khoảnh 2 tiểu khu 234. Việc cho mượn này chỉ bằng miệng không bằng văn bản. Sau khi được ông L đồng ý cho mượn đất ông H đã tiến hành trồng keo lá tràm, thuê máy về đào mương xung quanh phần đất mà ông L cho mượn. Đến năm 2005 ông H đã cải tạo một góc rừng để trồng cây ăn quả và cây ngắn ngày. Việc đào mương và cải tạo đất trên của ông Mai Thanh H đã được nhân dân phán ánh tới Lâm trường H và Lâm trường H đã gọi ông L lên để nhắc nhở. Tháng 7 năm 2011 ông H đã khai thác trắng toàn bộ diện tích cây tràm và số cây cam ông H trồng cũng đã cho thu hoạch. Số tiền có được từ việc bán Keo lá tràm và bán cam theo như ông L biết là hơn 150.000.000đ và số tiền này ông H hưởng lợi toàn bộ. Sau khi ông H khai thác toàn bộ diện tích Keo lá tràm thì ông L đã đề nghị ông H trả lại phần đất đã mượn nhưng ông H đã không đồng ý trả lại phần đất cho ông L. Do vậy, ông L đã làm đơn khiếu nại lên chính quyền địa phương xã H theo thẩm quyền. UBND xã H đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng không thành. Vì vậy, ông L khởi kiện ra Tòa án yêu cầu buộc ông Mai Thanh H phải trả lại toàn bộ diện tích 5,6 ha đất rừng mà ông H đã mượn vào năm 1995.

- Bị đơn ông Mai Thanh H Trình bày như sau: Vùng đất ông L kiện đòi lại là của cha ông H tức là ông Mai D cùng con cháu khai hoang từ năm 1976 canh tác từ đó cho đến nay. Năm 1987 ông H hoàn thành nghĩa vụ quân sự về địa

phương được cha và bác ông H giao lại. Năm 1995 nhà nước có chủ trương trồng rừng theo dự án Y (327). Cuối năm 1995 Ban dự án Y và chính quyền địa phương cho nhận khoán sử dụng lâu dài diện tích 5,6ha thuộc lô 2 và 3 khoảnh 2, tiểu khu 234 gia đình trồng, chăm sóc, bảo vệ rất tốt sử dụng ổn định.

Đến tháng 4 năm 2005 ông H biết được ông L được cấp Lâm bạ, nên ngày 18 tháng 5 năm 2005 ông làm đơn xin tách hộ và được ông L đồng ý ký tên xác nhận với tư cách là tổ trưởng. Ngày 16 tháng 8 năm 2010 được ban lâm nghiệp xã về kiểm tra, ghi nhận giao ông H 5,6 ha, ông L, ông T 6,4 ha và ông L cũng ký vào biên bản thừa nhận. Đến tháng 11 năm 2011 ông L khởi kiện cho rằng trước đó ông H mượn đất của ông L, ông H khẳng định ông H chưa bao giờ mượn đất của ông L mà chỉ xin làm dự án cùng ông L để hưởng hỗ trợ tiền của Nhà nước. Do vậy, ông H không chấp nhận yêu cầu trả lại đất của ông Mai Xuân L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân T trình bày: Năm 1995 ông T và ông Mai Xuân L cùng nhau thỏa thuận xin đất để trồng rừng và cuối năm 1995 cho ông Mai Thanh H mượn 5,6 ha đất rừng để trồng một lứa keo là có thực. Tuy nhiên, các thủ tục trong quá trình cấp đất đều do ông Mai Xuân L thực hiện và tên trong Lâm bạ do UBND huyện H cấp năm 1995 cũng chỉ đứng tên ông Mai Xuân L, ông T chỉ là người cùng với ông L tiến hành tác nghiệp trên phần đất mà ông L đã được cấp. Do vậy ông T biết rõ việc ông L cho ông H mượn một phần đất để trồng và khai thác một lứa keo. Đất được cấp cho ông L nên việc đòi lại đất là quyền của ông L ông T không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu độc lập gì với ông L và ông H trong vụ việc. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ việc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N vợ ông Mai Xuân L trình bày: Chồng bà là ông Mai Xuân L được UBND huyện cấp Lâm bạ vào năm 1995 và cho ông H mượn đất nên yêu cầu ông Mai Thanh H trả lại 5,6ha đất rừng còn các ý kiến khác đều nhất trí như ông L (chồng bà) đã trình bày trong đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn, bà N không cung cấp thêm tài liệu gì thêm.

- UBND xã H trình bày: Năm 1995 UBND huyện H cấp Lâm bạ cho ông Mai Xuân L. Tuy nhiên UBND xã H xác định quyết định giao đất, giao rừng do UBND huyện cấp cho chủ rừng là ông Mai Lành vào ngày 25/5/1995, diện tích 12 ha là không chính xác, vì từ khi ông L có lâm bạ đến nay diện tích 5,6ha đang thuộc ông H quản lý sử dụng đây là thực tế, ông L chỉ sử dụng phần đất còn lại.

- UBND huyện H, trình bày ý kiến bằng văn bản số 830/UBND - TNMT ngày 09/05/2019: Xác định Hồ sơ cấp Lâm bạ của ông Mai L có nhiều bất cập không đảm bảo theo quy định cụ thể: Không có số quyết định, Quyết định được ký vào thời điểm Luật đất đại năm 1993 đã có hiệu lực nhưng lại căn cứ vào Luật đất đai năm 1988 đã hết hiệu lực để cấp là không đúng, không thể hiện có lưu trữ trong hồ sơ gốc và số công văn đi lưu tại UBND huyện; tại trang bìa của quyết định có sơ đồ tứ cận Đông, Tây, Nam, Bắc, nhưng không ghi ranh giới cụ thể để làm cơ sở xác định vị trí khu đất trên thực địa.

Với nội dung vụ án trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST, ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xử: Căn cứ Điều 163, 164, 166, 169,186 ,190, 194 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, 12, 101, 125, khoản 1 điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1điều 147, khoản 2 điều 158, khoản 2 điều 161, khoản 2 điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, điểm a, khoản 1 điều 24; khoản 3 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí toàn án số 10/2009 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giám, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Mai Xuân L về việc đòi lại diện tích đất lâm nghiệp 5,6ha, tại lô 2 và 3 khoảnh 2, tiểu khu 234 xóm 6 xã H huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/9/2019 nguyên đơn ông Mai Xuân L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Mai Xuân L vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự, đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST, ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Xuân L, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[2.1] Ngày 25/5/1995 ông Mai Xuân L được Ủy ban nhân dân huyện H giao sử dụng 12ha đất rừng tại khoảnh 2; lô 2,3 tiểu khu 234 tại xóm 6 xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Diện tích này ông L, ông T cùng khai thác sử dụng và thỏa thuận ông Mai Xuân L đứng tên. Việc thỏa thuận đứng tên giữa ông L và ông T bằng miệng, không được lập thành văn bản. Ông L cho rằng sau khi biết được ông L và ông T được cấp đất, ông H đặt vấn đề mượn đất ông L khoảng 5,6ha đất tại khoảnh 2; lô 2,3, tiểu khu 234 xóm 6 xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh để trồng một vụ cây keo khi nào thu hoạch hết lại trả cho ông L nhưng chỉ bằng

miệng, không được lập thành văn bản và không ghi rõ thời gian mượn cụ thể. Mặt khác ông Mai Thanh H lại cho rằng diện tích 5,6ha này là do cha ông H khai hoang từ năm 1976-1978 và giao lại cho ông H quản lý, sử dụng, sau đó để được hỗ trợ kinh phí của nhà nước nên ông H đã đặt vấn đề xin làm cùng chứ không có việc mượn đất của ông L. Năm 2005, ông H biết được phần đất 5,6ha ông H đang sử dụng đã được cấp Lâm bạ mang tên ông L nên ông đã làm đơn xin tách hộ, đồng thời xuất trình "Đơn xin tách hộ và diện tích đất trồng rừng đề ngày 18/5/2005" và "Biên bản làm việc đề ngày 16/8/2010". Tại đơn xin tách hộ thể hiện nội dung ông Mai Xuân L làm tổ trưởng, đứng tên trong sổ lâm bạ với diện tích được giao là 12ha, trong đó có 5,6ha là diện tích đất ông H và ông H đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và đã được ông L ký vào. Tại Thông báo kết luận giám định số 139 ngày 18/9/2012 của phòng Kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh, kết luận: Chữ ký và chữ viết trong đơn xin tách hộ của ông Mai Xuân H là chữ ký, chữ viết của ông Mai Xuân L. Như vậy mặc dù không đứng tên trong sổ lâm bạ nhưng thực tế từ năm 1995, ông L, ông H đều đã tham gia trồng rừng theo dự án 327 của Ban sự án Y, quá trình ông H làm đơn xin tách hộ và diện tích trồng rừng đối với diện tích 5,6ha trong tổng 12ha ông L được cấp sổ lâm bạ và đã được ông Mai Xuân L đồng ý, ký xác nhận như vậy mặc nhiên ông L đã thừa nhận việc quản lý, sử dụng hợp pháp diện tích 5,6ha đất trồng rừng của ông Mai Thanh H.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện chính quyền địa phương UBND xã H khẳng định vùng đất đang tranh chấp thuộc quyền quản lý của ông Mai Thanh H từ trước khi có Lâm bạ và việc cấp đất này là cấp cho tổ hợp ba người, do ông L đứng tên chủ rừng. Ông H đã liên tục quản lý, sử dụng ổn định, không có gì thay đổi về ranh giới, tứ cận. Tại biên bản làm việc ngày 16/8/2010 Ban lâm nghiệp UBND xã H tiến hành kiểm tra chất lượng rừng trồng theo lâm bạ mang tên ông L kết luận "sau khi được giao đã phân ra để bảo vệ, ông Mai Thanh H quản lý và bảo vệ 5,6ha, riêng ông Mai Lành và Mai Tuyên quản lý 6,4ha rừng phát triển bình thường" biên bản kiểm tra có chữ ký xác nhận của ông Mai Xuân L, ông Mai Thanh H do đó thể hiện việc ông Mai Xuân L đã mặc nhiên thừa nhận ông được giao 6,4ha đất rừng, ông H được giao 5,6ha đất rừng.

[2.2] Tại hồ sơ cấp Lâm bạ do dự án Y tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện Cấp Lâm bạ thấy rằng: Hồ sơ cấp Lâm bạ cho ông Mai Xuân L không đúng trình tự, có nhiều bất cập, không đảm bảo theo quy định tại Điều 13 Nghị Định 02 của Chính phủ ngày 15/01/1995 của chính phủ về việc hồ sơ giao đất lâm nghiệp, cụ thể: Không có biên bản giao đất, giao rừng trên thực địa cũng như hồ sơ thiết kế trồng rừng kèm theo quyết định; không có số quyết định; Quyết định được ký vào thời điểm Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực nhưng lại căn cứ vào Luật đất đai năm 1998 đã hết hiệu lực để cấp là không chính xác; không có hồ sơ lưu trữ gốc và số công văn đi tại UBND huyện H; tại trang bìa của Quyết định có sơ đồ tứ cận Đông, Tây, Nam, Bắc nhưng lại không ghi ranh giới cụ thể để xác định vị trí khu đất trên thực địa.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Xuân L

[3]. Về án phí: Nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Xuân L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2019/DS-ST, ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Căn cứ Điều 163, 164, 166, 169,186 ,190, 194 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, 12, 101, 125, khoản 1 điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 điều 147, khoản 2 điều 158, khoản 2 điều 161, khoản 2 điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, điểm a, khoản 1 điều 24; khoản 3 Điều 27, pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giám, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.Tuyên xử:

Bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Mai Xuân L về việc đòi lại diện tích đất lâm nghiệp 5,6ha, tại lô 2 và 3 khoảnh 2, tiểu khu 234 xóm 6 xã H huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về án phí, lệ phí

* Án phí sơ thẩm: Buộc ông Mai Xuân L phải nộp 200.000đ *(hai trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* Về chi phí thẩm định và định giá: Buộc ông Mai Xuân L phải nộp 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* tiền thẩm định và định giá còn thiếu, theo giấy tạm ứng ngày 16 tháng 07 năm 2018 để hoàn ứng cho Tòa án.

* Về chi phí giám định: Buộc ông Mai Xuân L phải nộp số tiền 2.500.000đ *(hai triệu năm trăm ngàn đồng)* tiền chi phí giám định chưa nộp.

- Trả lại cho ông Mai Xuân L số tiền 56.665.200đ *(năm mươi sáu triệu sáu trăm sáu mười lăm ngàn hai trăm đồng),* theo biên lai thu tiền thi hành án số 001345 ngày 12/5/2013 và số tiền lãi do Cơ quan thi hành án dân sự huyện H gửi tại Ngân hàng nông nghiệp huyện H là 13.649.100đ *(mười ba triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn một trăm đồng),* theo giấy xác nhận tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng. Tổng số tiền gốc và lãi là 70.314.100đ *(bảy mươi triệu ba trăm mười bốn ngàn một trăm đồng*).Cơ quan thi hành án dân sự huyện có trách nhiệm làm các thủ tục rút tiền gửi từ Ngân hàng nông nghiệp huyện H để trả lại cho ông Mai Xuân L.

- Trả lại khoản tiền án phí thi hành án mà ông Mai Xuân L đã nộp 1.416.000đ (*một triệu bốn trăm mười sáu ngàn đồng),* theo biên lai thu tiền nộp ngân sách nhà nước số 009556 ngày 31/1/2013 (trong đó có khoản tiền án phí DSPT, theo biên lai số 004122 ngày 14/5/2012).

- Ông Mai Thanh H được trả lại số tiền 400.000đ *(hai trăm ngàn đồng),* tiền án phí Dân sự sơ thẩm và Dân sự phúc thẩm theo biên lai số 009601, ngày

28/1/2003 đã nộp tại Cơ quan thi hành án huyện H và được nhận lại số tiền 2.500.000đ *(hai triệu năm trăm ngàn đồng)* tiền chi phí giám định, theo biên bản giao nhận ngày 18/07/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh từ ông Mai Xuân L chưa nộp.

- Tòa án nhân dân huyện H được nhận lại số tiền 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* từ ông Mai Xuân L chưa nộp, theo giấy tạm ứng ngày 16 tháng 07 năm 2018 để hoàn ứng cho Tòa án.

* Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH buộc ông Mai Xuân L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001461 ngày 18/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

4. *"Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, THA sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đình Thông